

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

9. Số báo danh 10. Mã đề thi

Giám thị 1:
Họ và tên:.....
Chữ ký:.....

Giám thị 2:
Họ và tên:.....
Chữ ký:.....

1. Tỉnh/TP:.....

2. Hội đồng coi thi :.....

3. Phòng thi:.....

4. Họ và tên thí sinh:.....
.....

5. Ngày sinh:...../...../.....

6. Chữ ký của thí sinh:.....

7. Bài thi:.....

8. Ngày thi:...../...../.....

0

0

0

0

0

0

1

1

1

1

1

1

2

2

2

2

2

2

3

3

3

3

3

3

4

4

4

4

4

4

5

5

5

5

5

5

6

6

6

6

6

6

7

7

7

7

7

7

8

8

8

8

8

8

9

9

9

9

9

9

0

0

0

1

1

1

2

2

2

3

3

3

4

4

4

5

5

5

6

6

6

7

7

7

8

8

8

9

9

9

■

■

■

■

■

■

■

■

■

■

Thí sinh lưu ý:

- Giữ cho phiếu phẳng, không bôi bẩn, làm rách

- Phải ghi đầy đủ các mục theo hướng dẫn

- Dùng bút chì mềm 2B trở lên hoặc bút bi, bút dạ đen, xanh, tím. Tô đủ các mục **số báo danh, mã đề** trước khi làm.

Phản trả lời:

Số thứ tự câu trả lời dưới đây tương ứng với số thứ tự câu trắc nghiệm trong đề thi. Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và **tô kín một ô tròn** tương ứng với phương án trả lời đúng

01

A

B

C

D

02

A

B

C

D

03

A

B

C

D

04

A

B

C

D

05

A

B

C

D

06

A

B

C

D

07

A

B

C

D

08

A

B

C

D

09

A

B

C

D

10

A

B

C

D

11

A

B

C

D

12

A

B

C

D

13

A

B

C

D

14

A

B

C

D

15

A

B

C

D

16

A

B

C

D

17

A

B

C

D

18

A

B

C

D

19

A

B

C

D

20

A

B

C

D

21

A

B

C

D

■

22

A

B

C

D

■

23

A

B

C

D

■

24

A

B

C

D

■

25

A

B

C

D

■

26

A

B

C

D

■

27

A

B

C

D

■

28

A

B

C

D

■

■

■

■

■